

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 13 và ngày 23-11-2018

“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Văn Hạnh

Bà Hoàng Thị H

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2017/TLST-DS ngày 11/4/2017 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐDS-ST ngày 20/9/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên nhân:

- Anh Bùi Tuấn A, anh Bùi Mạnh D,

Cùng trú tại: Thôn A, xã C, thị xã B, Đắk Lắk.

- Bà Hồ Thị Ng.

Địa chỉ: Đội A, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Mạnh D, bà Hồ Thị Ng: Anh Bùi Tuấn A (Có mặt).

(Anh Bùi Mạnh D ủy quyền cho anh Bùi Tuấn A theo giấy ủy quyền ngày 03/5/2017).

(Bà Hồ Thị Ng ủy quyền cho anh Bùi Tuấn A theo giấy ủy quyền ngày 24/4/2017).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Bùi Tuấn A có ông Phạm Hàn L – Luật sư, đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.(có mặt)

Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bị đơn: Ông Bùi Văn C.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, Đắk Lắk. (Có mặt).

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Thị Thanh M - sinh 2000 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 9A, xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp cho chị M là ông Bùi Văn C - là cha ruột của chị Mỹ.

Ông Hồ Viết H và bà Ngô Thị Ánh M1 (ông H có mặt, bà M1 vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Bùi Đình Đ (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Đậu Thị S (có đơn xin từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Đậu Thị Kim L1 (có đơn xin từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Đậu Thị Kh (có đơn xin từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đậu Minh Ph (có đơn xin từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Thôn B, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

Bà Đậu Thị Phương N (có đơn xin từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Thôn B, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Người làm chứng: Ông Y M A Yun

Địa chỉ: Buôn G, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Ông Tống Ô.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** /**Trong đơn khởi kiện của anh Bùi Tuấn A, anh Bùi Mạnh D, và bà Hồ Thị Ng, đại diện theo ủy quyền anh Bùi Tuấn A trình bày:

Bà Võ Thị H là con đẻ của bà Hồ Thị Ng. Bà H kết hôn với ông Bùi Văn C vào năm 1991 và có 03 người con chung là anh Bùi Tuấn A, anh Bùi Mạnh D và chị Bùi Thị Thanh M. Ông C và bà H tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.260 m² được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320, cho hộ

ông Bùi Văn C, bà Võ Thị H địa chỉ thửa đất xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đường đi
- + Phía Tây giáp đường đi
- + Phía Nam giáp đất của anh H3;
- + Phía Bắc giáp đất bà Đường.

Tài sản trên đất có khoảng 820 cây cà phê. Giá trị lô đất và tài sản trên đất ước tính khoảng 210.000.000 đồng.

Ngoài ra ông C và bà H còn có 01 lô đất diện tích khoảng 1000m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 120m² tại thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2009 bà H chết không để lại di chúc nên các thửa đất trên do ông C quản lý. Do đó anh Tuấn A, anh D và bà Ng yêu cầu ông C chia di sản thừa kế nói trên nhưng ông C không đồng ý.

Ngày 13/7/2017 anh Tuấn A, anh D và bà Ng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết chia di sản thừa kế của bà Võ Thị H để lại là ½ diện tích thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16 theo giấy CNQSDĐ số AK 571320 do UBND huyện Krông Buk cấp ngày 14/6/2007 theo tỷ lệ được chia là 2.478m² đất/01 người trong tổng diện tích 8.260m² và giá trị tài sản trên đất; ½ giá trị 01 lô đất có diện tích khoảng 1000m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 120m² tại thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất tại thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk yêu cầu chia giá trị tài sản trên đất, mà không yêu cầu chia quyền sử dụng đất.

* Bị đơn ông Bùi Văn C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân và tài sản như nguyên đơn trình bày là đúng, tuy nhiên ông có ý kiến về đơn khởi kiện như sau:

Đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16 theo giấy CNQSDĐ số AK 571320 do UBND huyện Krông Buk cấp ngày 14/6/2007 cho hộ ông Bùi Văn C, bà Võ Thị H. Sau khi bà H chết vì lý do sức khỏe đồng thời gia đình có nhiều nợ nần nên năm 2016 ông C đã bán cho vợ chồng ông Hồ Viết H và bà Ngô Thị Ánh M, trú tại tổ dân phố 6, phường B, thị xã B với số tiền 480.000.000 đồng, khi bán ông C không hỏi ý kiến của các con về việc bán thửa đất, hiện nay ông H và bà M đã trả được số tiền 430.000.000 đồng.

Việc anh Tuấn A, anh D và bà Ng yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản trên thì ông C không đồng ý, nếu trường hợp phải chia thì ông C chỉ đồng ý chia

tài sản thừa kế của bà H thành 04 phần cho anh Tuấn A, anh D, chị M và ông C, đồng thời buộc các con phải chịu trách nhiệm với khoản vay 100.000.000 đồng ông C vay của quỹ tín dụng công ty cao su. Đối với yêu cầu của bà Ng thì ông C không đồng ý.

Quá trình giải quyết ông C không yêu cầu các con phải chịu trách nhiệm với khoản vay 100.000.000 đồng ông C vay của quỹ tín dụng công ty cao su.

***/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Viết H và bà Ngô Thị Ánh M trình bày:**

Vào khoảng tháng 2/2016 vợ chồng tôi có nhận sang nhượng 01 lô rẫy vùng Hai Hồ tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk diện tích 8.000m² của ông Bùi Văn C với số tiền 480.000.000đ. Khi mua vợ chồng tôi có hỏi giấy tờ thì ông C bảo có giấy tờ đầy đủ, khi đó giấy CNQSDĐ của ông C đang thế chấp tại Ngân hàng, khi vợ chồng tôi đồng ý mua thì vợ chồng tôi cùng ông C lên ngân hàng nộp vào 100.000.000đ số tiền này của vợ chồng tôi để rút giấy CNQSDĐ mà ông C đang thế chấp ra, sau đó vợ chồng tôi cùng ông C ra phòng công chứng số A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục sang tên cho vợ chồng tôi. Khi đến phòng công chứng thì Công chứng viên yêu cầu phải có giấy ủy quyền của bà H, sau đó ông C tự làm giấy ủy quyền, sau khi làm xong giấy ủy quyền chúng tôi lên phòng công chứng số 3 để làm thủ tục sang tên từ tên hộ ông Bùi Văn C bà Võ Thị H sang tên vợ chồng tôi thì Công chứng viên lại yêu cầu các con của ông C phải ký vào hồ sơ chuyển nhượng nhưng ông C nói các con đi làm ăn xa không về nên chúng tôi chưa sang tên được. Ông C hẹn lại mấy tháng có khi là một năm sẽ làm thủ tục cho nên tôi đồng ý mua và đã chuyển cho ông C số tiền 430.000.000đ. Hiện nay tôi đang giữ giấy CNQSDĐ của Bùi Văn C và bà Võ Thị H (bìa gốc) và giữ lại 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) khi nào ông C làm thủ tục sang nhượng xong thì vợ chồng tôi trả số tiền trên cho ông C. Khi nhận sang nhượng thì trên đất có khoảng 800 cây cà phê già và bị khô nên vợ chồng tôi đã chặt bỏ hiện nay trồng 2000 trụ tiêu được 12 tháng và khoảng 100 cây Đinh lăng trồng được 2 tháng, 01 cái chòi cũ của ông C. Nay con ông C khởi kiện chia thừa kế về lô đất trên thì tôi không đồng ý trả, mà cha con ông C giải quyết với nhau.

Ông Bùi Đình Đ trình bày: Tôi là anh trai của Bùi Văn C, năm 1984 tôi vào Đắk Lắk lấy vợ và sinh sống tại T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tháng 1 năm 1996 ông C từ quê Nghệ An vào Đắk Lắk sinh sống, do chưa có đất làm nhà nên tôi có cho ông C và bà H 01 lô đất rẫy diện tích khoảng 1.000m² tôi mua lại của ông Đậu Minh A1 (hiện nay ông A1 về quê ở Nghệ An và đã chết).

Khi tôi cho vợ chồng ông C lô đất trên chỉ nói miệng với nhau chứ không viết giấy tờ gì cả. Mục đích tôi cho là để làm nhà ở vì lúc đó vợ chồng ông C chưa có nhà. Sau đó chúng tôi làm cho ông C 01 căn nhà gỗ 2 gian để ở. Năm 2007 thì vợ chồng ông C xây lại căn nhà trên diện tích khoảng 120m². Tôi xác định đất này là tôi cho vợ chồng ông C để sinh sống làm ăn, nuôi con ăn học, nay các cháu và bà Ng yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H thì tôi không đồng ý.

Chị Bùi Thị Thanh M, trình bày: Chị M là con đẻ của ông C, bà H, sau khi bà H mất để lại một số tài sản tuy nhiên chị M không yêu cầu chia thừa kế đối với số tài sản của bà H để lại.

Bà Đậu Thị S, bà Đậu Thị Kh, bà Đậu Thị L1, ông Đậu Minh Ph, bà Đậu Thị Phương N trình bày: Chúng tôi là con của ông Đậu Minh A1 và bà Nguyễn Thị L2 (bố mất năm 2014, mẹ mất năm 2018), việc bố tôi bán diện tích đất rẫy cho ông Bùi Văn C diện tích 1.350m² ngày 18/3/1999 thì chúng tôi không có ý kiến thắc mắc gì.

* Người làm chứng: Ông Tống Ô trình bày: Ngày 27/10/1995 tôi đang làm trưởng thôn T (nay là thôn T) tôi đã ký xác nhận vào giấy sang nhượng đất rẫy của ông Đậu Minh A1 người bán và ông Bùi Đình Đ là người mua, tôi xác nhận vào diện tích đất như kê khai trong giấy sang nhượng lại cho ông Bùi Đình Đ.

Ông Y M Yun trình bày: Vào ngày 15/12/2002 ông Đậu Minh A1 có qua gặp tôi xin xác nhận về việc sang nhượng đất rẫy cho 3 hộ: Hồ Văn B; Đậu Văn Ng; Nguyễn Văn Y, tôi có xác nhận theo yêu cầu của ông Đậu Minh A1 với nội dung: Diện tích lô đất xin chuyển là 46.000m² chia cắt cho 3 hộ lô đất đã cấp giấy CNQSDĐ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Đ 609,610,613, 649, 651 Bộ luật dân sự và Đ 66 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chia đôi tổng giá trị tài sản của ông C, bà H thành 02 phần bằng nhau ông C được hưởng $\frac{1}{2}$, bà H được hưởng $\frac{1}{2}$, cụ thể là:

-Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.260m² (đo thực tế 8.040m²) do Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320, ông C được chia $\frac{1}{2}$, bà H được chia $\frac{1}{2}$ tương đương mỗi người được hưởng 4.020m², phần của bà H chia 5 phần mỗi người được 804m² gồm (ông C, bà Ng, anh Tuấn A, anh D, chị M).

-Giá trị tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng đất diện tích là 1300m², địa chỉ thửa đất thuộc thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk có tổng giá trị là 518.424.192đ, ông C được chia $\frac{1}{2}$, bà H được chia $\frac{1}{2}$, tương đương mỗi người được 259.212.096 đồng, phần của bà H chia 5 phần mỗi người được 51.842.400 gồm (ông C, bà Ng, anh Tuấn A, anh D, chị M).

Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin nhận đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.260 m² (đo thực tế 8.040m²) do ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320 và tài sản gắn liền với đất và xin nhận giá trị tài sản trên đất địa chỉ thửa đất thuộc thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị M xin thay đổi yêu cầu được nhận phần di sản của mình do bà H để lại, ông Hồ Viết H vẫn giữ nguyên lời trình bày, không đồng ý việc các con ông C yêu cầu chia di sản thừa kế mà bố con ông C tự giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa ông Bùi Văn C đồng ý chia phần di sản thừa kế của bà H cho bà Ng và đồng ý chia bằng giá trị, không đồng ý chia đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.260 m² (đo thực tế 8.040m²).

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế do bà H để lại là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.260m² được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320 và tài sản gắn liền với đất, cụ thể bà Ng, anh Tuấn A, anh D nhận 2.412m² và đồng ý bồi thường cây trên đất cho ông H và chia giá trị tài sản trên đất tại địa chỉ thửa đất thuộc thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Ngày 11/4/2017 Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ thụ lý vụ án về việc khởi kiện của anh Bùi Tuấn A, Bùi Mạnh D, bà Hồ Thị Ng là đúng trình tự, thủ tục theo Đ 191,195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: HĐXX xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về thừa kế tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với khoản 5 Đ 26; khoản 1 Đ 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng xin từ chối tham gia tố tụng. Do vậy HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp với Đ 227; khoản 2 Đ 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Bà Võ Thị H là con đẻ của bà Hồ Thị Ng. Năm 1991 bà H kết hôn với ông Bùi Văn C và có 03 người con chung là anh Bùi Tuấn A, anh Bùi Mạnh D và chị Bùi Thị Thanh M, và tạo lập được tài sản chung bao gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.260 m² được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320 cấp cho hộ ông Bùi Văn C, bà Võ Thị H địa chỉ thửa đất xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Tài sản trên đất tại thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, (thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định:

*/ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.040m², (đo thực tế 8.040m²) chiều rộng 67m, chiều dài 120m, có vị trí tứ cận như sau: phía bắc giáp đường đi cạnh dài 67m, phía nam giáp đường đi cạnh dài 67m, phía đông giáp đất anh H2, phía tây giáp đất bà Đường, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320, cho hộ ông Bùi Văn C, bà Võ Thị H địa chỉ thửa đất xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuộc khu vực còn lại, vị trí 3 có giá 26.000đ/m²; 8040 m² x 26.000đ/m² = 209.040.000đ.

Về tài sản trên đất gồm:

-01 chòi rẫy có diện tích 3,7m x 3,2m = 11,84m² có kết cấu tường gạch không tô chát, móng xây đá hộc, nền lán xi măng, xà gồ bằng gỗ, mái lợp tôn, gác lửng đóng sàn có giá 3.550.000đ/m² x 3,7m x 3,2m = 42.032.000đ (trừ đi không đóng trần ván, không trát tường) nên nhà có giá trị 18.028.690đ.

- 01 giếng nước có đường kính 1,5m, thành xây gạch không có nắp, sâu 15m có giá 18.541.750đ.

25 cây có giá 79.000đ/cây = 1.975.000đ.

20 cây muồng trên 4 năm có giá 78.200đ/cây = 1.564.000đ.

29 cây sầu riêng loại B có giá 136.100đ/cây = 3.946.900đ

01 cây keo trồng trên 04 năm có giá 78.200đ.

Qua khảo sát giá thị trường thời điểm định giá lô đất có giá (không tính cây trên đất) khoảng 80.000.000đ/sào = 640.000.000đ.

Ngoài ra những cây trồng khác trên đất là của ông H, bà M các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

*/Giá trị tài sản gắn liền thuộc quyền sử dụng đất có diện tích thực tế là 1300m², địa chỉ thửa đất thuộc thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) gồm:

-01 căn nhà xây cấp 4 xây năm 2007, móng đá hộc, giằng đổ bê tông cốt thép, tường xây gạch mái lợp tôn, nền lát gạch Ceramic 50 x50, trần tôn lạnh, cửa sắt kính, nhà có diện tích 125,25m² giá trị còn lại 80% có giá trị 326.002.092đ.

-01 chuồng heo có tường xây gạch, mái lợp ngói, móng đá hộc, giá trị còn lại 50% có giá 5.180.000đ.

- 01 giếng nước đường kính 1,3m, sâu 17m có thành xây gạch, có tô chất, có nắp đậy có giá trị 32.711.000đ.

- 01 sân lát đá 4x 6, mặt láng nền xi măng có giá 44.898.000đ.

- 01 tường rào, móng đá hộc lưới B40, trụ cột bê tông đúc sẵn có giá 18.456.000đ.

- 02 trụ cổng cao 2m, kích thước 40x40 có giá 3.618.000đ.

Về cây:

- 100 cây tiêu trụ gỗ loại B có giá 525.000đ/cây = 5.250.000đ.

- 82 cây tiêu loại A có giá 653.300đ/cây = 53.570.000đ.

- 09 cây bơ loại A có giá 1.444.200đ/cây = 12.997.000đ.

- 11 cây sầu riêng trong đó có 01 cây loại A có giá 2.032.900đ.

- 10 cây còn lại năm thứ 2 loại B có giá 259.100đ = 2.591.000đ.

- 01 cây ổi mới trồng 27.300đ.

- 01 cây ổi trên 03 năm có giá 186.000đ

- 01 cây mận trên 03 năm có giá 186.000đ.

- 01 cây mít loại B trên 04 năm có giá 641.000đ.

- 01 cây chôm chôm thường loại C trên 03 năm có giá 532.600đ.

- 06 cây chuối trồng mới có giá 72.000đ

- 11 cây có giá 70.000đ/cây = 770.000đ

- 01 cây chanh trên 02 năm có giá 168.000đ

- 07 cây chè trên 03 năm có giá 11.700đ /cây = 81.900đ.

- 02 cây si cao trên 2m có giá 139.000đ/cây = 278.000đ.

- 110 cây cà phê trồng mới loại A có giá 69.400đ/cây = 7.634.000đ.

- 02 cây xoài loại B có giá 242.700đ/cây = 485.400đ.

- 02 cây đu đủ trồng trên 01 năm có giá 28.000đ/cây = 56.000đ.

Giá trị tài sản trên đất là: 518.424.192đ (hiện ông Bùi Văn C đang quản lý)

Tổng giá trị tài sản của bà H và ông C tạo lập được là: 1.202.559.000đ. Năm 2009 bà H chết không để lại di chúc nên phần di sản của bà H được chia theo pháp

luật. Tuy nhiên anh A, anh D và bà Ng yêu cầu chia 03 phần di sản của bà H để lại cho 03 người (anh A, anh D và bà Ng) là không đúng pháp luật vì ông C chồng bà H cũng được hưởng phần di sản thừa kế của bà H để lại theo hàng thừa kế thứ nhất. Cụ thể chia đôi tổng giá trị tài sản của ông C, bà H thành 02 phần bằng nhau ông C được hưởng $\frac{1}{2}$, bà H được hưởng $\frac{1}{2}$, cụ thể là: ông C và bà H mỗi người được hưởng 601.279.468đ. Phần di sản thừa kế của bà H được chia 05 phần (hàng thừa kế thứ nhất) gồm: ông C, bà Ng, chị M, anh D, anh A cụ thể $601.279.468đ : 5 = 120.255.894$ đồng. Do đó ông C phải trả cho những người được hưởng thừa kế của bà H là phù hợp với các Đ 609, 610, 613, 620, 649 Bộ luật dân sự và Đ 66 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Chấp nhận việc ông C đồng ý cho bà Ng được hưởng thừa kế di sản của bà H là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu của đồng nguyên đơn xin được chia bằng hiện vật tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.260 m² (đo thực tế 8.040 m²) được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320 mang tên hộ ông C, bà H. Tuy nhiên những người được hưởng thừa kế này trước đó đã bỏ nhà đi làm thuê, bà Ng thì già yếu ở ngoài quê không sử dụng đất nông nghiệp và trực tiếp canh tác, vì vậy cần chia thành tiền là có căn cứ.

[7] Đối với việc ông H, bà M cho rằng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 16 theo giấy CNQSDĐ số AK 571320 được ông C bán cho ông bà thì thấy rằng: Thực tế thửa đất này ông C đã bán cho ông H, bà M việc này đã được các bên thừa nhận, tuy nhiên đây là tài sản chung của hộ gia đình ông C, theo đó khi định đoạt tài sản phải có sự đồng ý của các thành viên trong hộ gia đình. Tuy nhiên khi bán ông C không hỏi ý kiến của các thành viên trong hộ gia đình nên việc mua bán này là vi phạm pháp luật, nhưng do các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Việc các nguyên đơn không yêu cầu chia di sản thừa kế giá trị quyền sử dụng đất tại thôn A, xã C, thị xã B, xét thấy yêu cầu này là H tự nguyện nên cần chấp nhận.

[9] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế do bà H để lại sau khi chết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về yêu cầu được chia đất không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về chia di sản thừa kế là có

căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Xét quan điểm đề nghị chia đất là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[11] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lời trình bày là có căn cứ cần chấp nhận.

[12] Xử lý tiền chi phí tố tụng: Do yêu cầu của các đương sự được chấp nhận nên phải chịu tiền chi phí tố tụng.

[13] Về án phí: Do yêu cầu của các đương sự được chấp nhận, nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 5 Đ 26; khoản 1 Đ 35; khoản 1 Đ 147; các Đ 165; 166; 227; khoản 2 Đ 229; Đ 266; Đ 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ các Đ 609, 610, 612, 613, 617, 649, 651 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Đ 66 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 2 Đ 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn anh Bùi Tuấn A, anh Bùi Mạnh D, bà Hồ Thị Ng.

Ông Bùi Văn C, Anh Bùi Tuấn A, anh Bùi Mạnh D, bà Hồ Thị Ng, chị Bùi Thị Thanh M mỗi người được hưởng một phần di sản thừa kế do bà H để lại là 120.256.000 đồng.

Ông Bùi Văn C có trách nhiệm trả cho anh Bùi Tuấn A số tiền là 120.256.000 đồng; trả cho anh Bùi Mạnh D số tiền là 120.256.000 đồng; trả cho bà Hồ Thị Ng số tiền là 120.256.000 đồng.

Giao phần di sản thừa kế của chị Bùi Thị Thanh M được hưởng cho ông Bùi Văn C quản lý là 120.256.000đồng.

Chấp nhận việc ông Hồ Viết H ,bà Ngô Thị Ánh M không yêu cầu giải quyết về việc ông, bà mua diện tích 8.260 m² và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 571320 tại xã C, thị xã B của ông Bùi Văn C.

Chấp nhận việc ông Bùi Văn C không yêu cầu các con phải chịu trách nhiệm với khoản vay 100.000.000 đồng ông C vay của quỹ tín dụng công ty cao su.

2. Các đương sự phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản mỗi người là: 1.000.000đ , khấu trừ cho anh Bùi Tuấn A đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định,

định giá, còn lại ông Bùi Văn C, bà Hồ Thị Ng, anh Bùi Mạnh D, chị Bùi Thị Thanh M phải nộp, H trả cho anh Bùi Tuấn A sau khi thu được của ông C, bà Ng, anh D, chị M.

3. Về án phí DSST: Ông Bùi Văn C phải chịu 6.013.000Đ, anh Bùi Tuấn A, Bùi Mạnh D, bà Hồ Thị Ng, chị Bùi Thị Thanh M mỗi người phải chịu 6.013.000đ, được khấu trừ anh Anh, anh D, bà Ng mỗi người 2.050.000đ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số AA/2014/0043273 ngày 10/4/2017, AA/2016/0003821 ngày 11/7/2017; AA/2014/0043285 ngày 11/4/2017, AA/2016/0003820 ngày 11/7/2017; AA/2014/0043284 ngày 11/4/2017, AA/2016/0003819 ngày 11/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, bà Ng, anh A, anh D mỗi người còn phải nộp 3.963.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Đ 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Đ 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tùng Lâm

